

Phát triển thương mại quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020

PHẠM THÁI QUỐC*

Tóm tắt: Bài viết gồm ba phần chính. Phần 1 làm rõ những cơ sở cho phát triển thương mại quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020. Phần này tập trung tóm lược các tiến triển trong quá trình hội nhập của Việt Nam và những mục tiêu chính trong Chiến lược xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn đề cập. Phần 2 phân tích thực trạng, chỉ rõ bước phát triển trong thương mại quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020. Phần cuối chỉ rõ những vấn đề đặt ra và đề xuất biện pháp giải quyết, nhằm thúc đẩy thương mại quốc tế của Việt Nam phát triển mạnh hơn trong những năm tới.

Từ khóa: Thương mại quốc tế, chiến lược xuất nhập khẩu, Việt Nam.

1. Cơ sở cho phát triển thương mại quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020

1.1. Tóm lược quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Trong những năm qua, việc hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) luôn được đặt ra trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ như Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế, Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và gần đây nhất là Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng có hiệu lực và hiệu quả hơn.

Tính đến hết tháng 8/2021, Việt Nam đã có FTA với 57 nước đối tác gần như ở tất cả các

châu lục. Các nước đối tác FTA của Việt Nam khá đa dạng, từ các nước lớn, phát triển hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản đến các nước có quy mô nền kinh tế nhỏ và vừa như các thành viên ASEAN, Chile. Một số FTA Việt Nam mà tham gia là các liên kết kinh tế lớn, chiếm tỷ trọng cao trong GDP toàn cầu như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chiếm 13,5% GDP toàn cầu, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) chiếm 15% và Hiệp định Đối tác Toàn diện khu vực (RCEP) chiếm 30%. Bên cạnh đó, các FTA của Việt Nam ngày càng mở rộng về phạm vi, lĩnh vực cam kết và hướng tới các liên kết ở mức độ sâu hơn trong các FTA thế hệ mới và yêu cầu cao (Bình Phước, 2021) (xem Bảng 1).

Giai đoạn 2016 - 2020, có bốn FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia có hiệu lực gồm VN-EAEU FTA, CPTPP, EVFTA và UKVFTA¹. Đây đều là các FTA có phạm vi bao phủ rộng và đề cập đến nhiều khía cạnh. FTA giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam học hỏi kiến thức để cùng phát triển, nâng cao khả năng cạnh tranh, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Việt Nam tranh thủ tiếp thu công nghệ tiên tiến của các đối tác trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

¹ Không kể FTAs trong khuôn khổ ASEAN.

Bảng 1: Bảng tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 8/2021

STT	FTA	Hiện trạng	Đối tác
FTA đã có hiệu lực			
1	ASEAN Free Trade Area (AFTA)	từ 1993	ASEAN
2	ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA)	từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	ASEAN-Korea Free Trade Agreement (AKFTA)	từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	ASEAN-Japan Comprehensive Economic Partnership (AJCEP)	từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	Vietnam-Japan Economic Partnership Agreement (VJEPA)	từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	ASEAN-India Free Trade Agreement (AIFTA)	từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	ASEAN-Australia-New Zealand Free Trade Area (AANZFTA)	từ 2010	ASEAN, Australia, New Zealand
8	Vietnam - Chile Free Trade Agreement (VCFTA)	từ 2014	Việt Nam, Chile
9	Vietnam-Korea Free Trade Agreement (VKFTA)	từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	Vietnam-Eurasian Economic Union Free Trade Agreement (VN-EAEU FTA)	từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP)	có hiệu lực tại Việt Nam từ 14/1/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	ASEAN- Hong Kong Free Trade Agreement (AHFTA)	Có hiệu lực tại Việt Nam từ 1/6/2019	ASEAN, Hồng Kông
13	EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA)	từ 2020	Việt Nam, EU
14	Vietnam - UK Free Trade Agreement (UKVFTA)	từ 2021	Việt Nam, Vương quốc Anh
FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực			
15	Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP)	Đã ký 15/11/2020, có hiệu lực từ 01/1/2022	ASEAN, Australia, New Zealand, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản

Nguồn: Nguyễn Anh Thu, 2021.

1.2. Chiến lược xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020

Ngày 28/12/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2471/2011/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Mục tiêu của Chiến lược là nâng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá đến năm 2020 tăng trên ba lần mức năm 2010, bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD,

cán cân thương mại được cân bằng. Chiến lược đã đề ra ba nhóm mục tiêu cụ thể, gồm:

1) Đạt tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 11 - 12%/năm trong thời kỳ 2011 - 2020, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân 12%/năm; Giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân 11%/năm. Duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 10% thời kỳ 2021 - 2030.

2) Duy trì tốc độ tăng trưởng nhập khẩu thấp hơn tăng trưởng xuất khẩu; tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hoá bình quân 10 - 11%/năm trong thời kỳ 2011 - 2020, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân dưới 11%/năm; Giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân dưới 10%/năm.

3) Cố gắng giảm dần thâm hụt thương mại, kiểm soát nhập siêu ở mức dưới 10% kim ngạch xuất khẩu vào năm 2015 và tiến tới cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020; Có thặng dư thương mại trong thời kỳ 2021 - 2030.

Chiến lược cũng nêu định hướng xuất khẩu chung gồm: Phát triển xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô xuất khẩu, vừa chú trọng nâng cao giá trị gia tăng xuất khẩu; Chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu một cách hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung nâng nhanh tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu.

2. Thực trạng thương mại quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020

2.1. Quan điểm, chính sách phát triển thương mại quốc tế của Việt Nam

Quan điểm phát triển xuất nhập khẩu phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020 thể hiện ở những điểm chính sau đây:

i) Phát triển xuất khẩu trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế so sánh và năng lực cạnh tranh, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, hạn chế ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên, nâng cao khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn môi trường của hàng hóa xuất khẩu, đảm bảo tốc độ và chất lượng tăng trưởng cao, góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

ii) Phát triển xuất khẩu góp phần thực hiện các mục tiêu xã hội như xóa đói giảm nghèo, tạo nhiều việc làm đảm bảo công bằng xã hội, chia sẻ lợi ích hợp lý giữa các thành phần tham gia xuất khẩu.

iii) Đẩy mạnh nhập khẩu công nghệ tiên tiến, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng trong nước

sản xuất được, hạn chế nhập khẩu hàng hóa nguy hại đối với môi trường và sức khỏe, cân đối xuất, nhập khẩu theo hướng hạn chế nhập siêu, tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

Các chính sách phát triển thương mại giai đoạn này thể hiện ở những điểm chính sau đây:

i) Khắc phục các yếu điểm trong chính sách thương mại ở giai đoạn trước, đó là mở rộng cho tất cả các doanh nghiệp mà không gắn liền với điều kiện cụ thể, điều này làm xuất hiện tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gây tổn hại đến lợi ích quốc gia.

ii) Tận dụng cơ hội mở cửa thị trường theo các cam kết hội nhập để khai thác có hiệu quả các thị trường xuất khẩu hiện có, phát triển thị trường mới, tăng nhập khẩu từ thị trường các nước có công nghệ nguồn. Nâng cao khả năng tham gia của hàng hóa Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu.

iii) Chủ động, quyết liệt cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu. Tăng cường tính minh bạch, tạo thuận lợi hóa thương mại.

2.2. Thực trạng xuất nhập khẩu và cán cân thương mại

Năm 2019, Việt Nam xác lập tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 500 tỷ USD. Năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu đã vượt qua con số hơn 545 tỷ USD và mức xuất siêu "kỷ lục" với hơn 19 tỷ USD. Năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 668,55 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Những con số này đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia đứng thứ 22 thế giới về năng lực xuất khẩu; Đứng thứ 26 thế giới về quy mô thương mại quốc tế. Đằng sau sự gia tăng thương mại phải kể đến đóng góp đáng kể của các doanh nghiệp FDI. Tính đến ngày 31/12/2020, cả nước có 22.200 doanh nghiệp FDI hoạt động tại Việt Nam (Anh Đào, 2022). Trong đó có những doanh nghiệp 100% vốn trong nước được xếp hạng trong khu vực và nhiều thương hiệu sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam được thế giới từ biết đến đã trở nên yêu thích, tin dùng.

Về xuất khẩu

Trong giai đoạn 2010 - 2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng hơn 3,91 lần lên tới 282,65 tỷ USD. Tuy nhiên, tốc độ tăng xuất khẩu không ổn định. Sau Khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, kinh tế thế giới phục hồi đã giúp mức tăng trưởng xuất khẩu Việt Nam đạt 26,5% năm 2010 và lên đến 34,2% vào năm 2011. Tuy nhiên, sau đó mức tăng trưởng xuất khẩu lại giảm và chỉ đạt gần 8% năm 2015 và 9% năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do suy thoái kinh tế của khu vực EU, Nhật Bản - hai đối tác xuất khẩu quan trọng của Việt Nam - và sự phục hồi kinh tế chậm chạp của nhiều nước trên thế giới.

Giai đoạn 2017 - 2018, xuất khẩu là điểm sáng khi tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 21,83%/2017 và 13,2%/2018, và trong ứng mỗi năm đạt 215,12 tỷ USD và 244 tỷ USD. Từ cuối năm 2019 dù kinh tế toàn cầu gặp khó khăn vì Đại dịch Covid-19 và nhiều rào cản mới xuất hiện, xuất khẩu của Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng dương và tăng tương ứng là 8,51% năm 2019 và 6,99% năm 2020. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 264 tỷ USD và năm 2020, con số này là 282,65 tỷ USD.

Về cơ cấu hàng hoá xuất khẩu.

Giai đoạn 2015 - 2020, Việt Nam có thêm nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực, trong số đó có một số mặt hàng thuộc top dẫn hàng đầu thế giới về kim ngạch xuất khẩu như máy móc thiết bị, gạo, hạt tiêu, hạt điều, cà phê, sản khô, thủy sản, hoa quả, giày dép, dệt may, đồ gỗ. Năm 2018, Việt Nam có 29 mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch trên một tỷ USD và sáu nhóm mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch trên 10 tỷ USD. Năm 2020, Việt Nam có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên một tỷ USD, trong đó có 24 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 5 tỷ USD và sáu mặt hàng trên 10 tỷ USD (Tổng cục thống kê Việt Nam, 2021)². Năm 2021 Việt Nam có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên một tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch

xuất khẩu (có tám mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7%).

Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các nhóm hàng như máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác có kim ngạch xuất khẩu tăng 48,6%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 24,1%. Một số các nhóm hàng khác cũng có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao trong năm 2020 là gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 16,2%); Sắt thép (tăng 25,1%); Bên cạnh đó, năm 2020 cũng có một số nhóm hàng có trị giá xuất khẩu giảm như hàng dệt may giảm 9,2%; Giày dép các loại giảm 8,3%, do khó khăn trong vận chuyển hàng hoá, cũng như sự sụt giảm nhu cầu nhập khẩu ở nhiều thị trường dệt may, da giày lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Bảng 2: Biến đổi cơ cấu hàng xuất khẩu chính của Việt Nam (2010 - 2020), (%)

2010		2020	
Mặt hàng	Tỷ trọng (%)	Mặt hàng	Tỷ trọng (%)
Hàng dệt may	15,5	Điện thoại các loại và linh kiện	18,3
Giày dép các loại	7,1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	15,9
Hàng thủy sản	6,9	Hàng dệt may	10,7
Dầu thô	6,9	Thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác	9,7
Gạo	4,5	Giày dép các loại	6,0
Cao su	3,3	Hàng thủy sản	3,0
Sắt thép các loại	1,5	Gạo	2,2
Sản phẩm khác	54,3	Sản phẩm khác	34,1

Nguồn: Nguyễn Anh Thu, 2021.

Dù có biến động, nhưng so sánh tỷ trọng xuất khẩu của các nhóm hàng chính trong giai đoạn 2010 - 2020 thì thấy, về tổng thể cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu nhìn chung chuyển dịch theo hướng tích cực, đó là tăng tỷ trọng các mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo; Giảm dần nhóm

² Năm 2010, có 18 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên một tỷ USD.

hàng nhiên liệu và khoáng sản; Giảm dần tỷ trọng hàng nguyên liệu thô và sơ chế. Năm 2010, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng như nông thủy sản, hàng dệt may, giày dép các loại, nhiên liệu và khai khoáng thì đến năm 2020, Việt Nam đã tăng xuất khẩu các mặt hàng có kỹ thuật công nghệ cao hơn, giảm tỷ trọng xuất khẩu nông sản. Năm 2020, hai mặt hàng chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất lần lượt là điện thoại và các loại linh kiện chiếm 18,1% và máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 15,8%; Trong khi gạo chỉ chiếm 2,2% và hàng thủy sản 3% - thấp hơn nhiều so với mức của năm 2010.

Về cơ cấu thị trường xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ và EU. Giai đoạn 2012 - 2020 thương mại hàng hóa của Việt Nam với châu Á vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị xuất khẩu của cả nước, bình quân chiếm trên 50% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp sau là thị trường châu Âu và châu Mỹ với tỷ trọng tương ứng xấp xỉ 20% và 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Khu vực châu Đại Dương và châu Phi chỉ chiếm khoảng 1 - 2%. Mặc dù hai thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là châu Á và châu Mỹ chịu ảnh hưởng nặng nề của Đại dịch Covid-19, nhưng thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và hai châu lục này vẫn phát triển tương đối ổn định trong năm 2020.

Về nhập khẩu

Về kim ngạch nhập khẩu, trong giai đoạn 2010 - 2020, kim ngạch nhập khẩu tăng đều đặn từ mức 84,84 tỷ USD năm 2010 lên 262,7 tỷ USD năm 2020 (tăng hơn ba lần). Trong 10 năm 2010 - 2020, có bốn năm ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhập khẩu thấp là các năm 2012, 2016, 2019 và 2020. Trong hai năm 2012 và 2016, nhập khẩu của Việt Nam đều bị ảnh hưởng bởi những khó khăn trong nền kinh tế thế giới cũng như biến động của thị trường tài chính quốc tế. Năm 2020, sự suy giảm trong nhập khẩu của Việt Nam chủ yếu là do tác động của Đại dịch Covid-19.

Ngoài ra, trong giai đoạn này, một điểm đáng lưu ý là xuất khẩu tăng bình quân 14,87%/năm trong khi nhập khẩu tăng 12,17%/năm, có được kết quả này do Việt Nam đã tận dụng tốt hơn các cơ hội nhờ gia nhập WTO và tham gia nhiều FTA.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, Việt Nam đã hạn chế nhập khẩu các nhóm hàng như xăng dầu và sắt thép, nhưng lại tăng nhập khẩu sản phẩm linh kiện điện tử, phụ tùng máy móc thiết bị phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Nhờ đó, cơ cấu hàng hoá nhập khẩu tiếp tục được dịch chuyển theo hướng phục vụ sản xuất trong nước, tăng tỷ trọng máy móc thiết bị, giảm tỷ trọng hàng tiêu dùng, tiếp cận nhiều hơn công nghệ, thiết bị tiên tiến, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

Năm 2020, các nhóm hàng tăng trưởng nhập khẩu mạnh gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử

Bảng 3: Biến đổi cơ cấu hàng nhập khẩu chính của Việt Nam (2010 - 2020)

2010		2020	
Mặt hàng	Tỷ trọng (%)	Mặt hàng	Tỷ trọng (%)
Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng	16,1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	24,3
Nguyên phụ liệu dệt may	11,6	Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng	14,1
Sắt thép các loại	7,3	Nguyên phụ liệu dệt may	8,2
Xăng dầu các loại	7,2	Điện thoại các loại và linh kiện	6,3
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5,0	Sản phẩm khác	47,1
Chất dẻo nguyên liệu	4,5		
Sản phẩm khác	47,3		

Nguồn: Nguyễn Anh Thu, 2021.

và linh kiện; Điện thoại các loại và linh kiện. Trong khi đó, một số nhóm hàng có trị giá nhập khẩu giảm mạnh như xăng dầu các loại; Nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may, da giày; Sắt thép các loại; Ô tô nguyên chiếc... Nguyên nhân của suy giảm này là do tác động của Đại dịch Covid-19 với các biện pháp giãn cách xã hội đã làm giảm nhu cầu đi lại, vận chuyển hành khách cũng như hàng hóa và giảm nhu cầu nhập khẩu của người dân khi thu nhập bị ảnh hưởng.

Về cơ cấu thị trường nhập khẩu, châu Á vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam trong suốt giai đoạn mười năm, bình quân chiếm khoảng 80% tổng giá trị nhập khẩu, tiếp đó là các thị trường châu Âu và châu Mỹ với tỷ trọng của mỗi khu vực khoảng 8% tổng nhập khẩu của Việt Nam. Khu vực châu Đại Dương và châu Phi chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng giá trị nhập khẩu của Việt Nam. Về các đối tác nhập khẩu chủ chính, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và ASEAN vẫn là các nguồn nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2020.

Về cán cân thương mại.

Sau khi gia nhập WTO, thâm hụt thương mại của Việt Nam tăng mạnh (đạt hơn 18 tỷ USD năm 2008). Tiếp đó, mức thâm hụt giảm dần trong trong giai đoạn 2009 - 2011, sau đó bắt đầu có thặng dư. Điều này cũng phản ánh sau một thời gian dài nhập siêu, xuất khẩu của Việt Nam đã tận dụng được các ưu đãi từ quá trình hội nhập và có dấu hiệu tăng trưởng tương đối tốt, cho thấy khả năng sản xuất trong nước đang dần dần vượt qua những khó khăn và tận dụng được cơ hội các hội nhập. Năm 2015, Việt Nam quay trở lại nhập siêu với mức 3,8 tỷ USD. Từ 2016 đến nay, cán cân thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa liên tục thặng dư, với mức xuất siêu năm sau cao hơn năm trước. Năm 2016, thặng dư thương mại đạt 1,6 tỷ USD; Năm 2017 đạt 1,9 tỷ USD; Năm 2018 tăng lên 6,46 tỷ USD; Năm 2019 đạt 10,57 tỷ USD và năm 2020 đạt xấp xỉ 20 tỷ USD.

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn với ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, nhưng thành

tích xuất siêu tiếp tục được giữ vững. Cho đến hết năm 2021 cán cân thương mại hàng hóa đạt xuất siêu 4,08 tỷ USD. Mặc dù mức xuất siêu năm 2021 chỉ bằng 20% so với mức xuất siêu năm 2020, nhưng trong bối cảnh khó khăn do dịch Covid-19, xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng và là tiền đề quan trọng để nền kinh tế vững bước vào năm 2022 (Tổng cục Thống kê, 2022).

Cùng với đẩy nhanh hội nhập, sự gia tăng mạnh mẽ hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam đã giúp cho độ mở cửa của nền kinh tế tăng vững chắc trong giai đoạn 2010 - 2020. Nếu tính cả thương mại dịch vụ, tỷ lệ mở cửa của Việt Nam đã tăng từ 167,21% năm 2006 lên đến 237,60% năm 2019 và 219,32% năm 2020. Điều này phản ánh sự hội nhập kinh tế quốc tế rất cao của Việt Nam, nhưng đồng thời cũng cho thấy nền kinh tế Việt Nam cũng sẽ nhạy cảm hơn trước những biến động kinh tế - chính trị của thế giới, khu vực và các hàng rào thương mại mới xuất hiện.

3. Những vấn đề đặt ra và hướng giải quyết

3.1. Những vấn đề đặt ra

Vấn đề đặt ra từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc.

Chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ khởi đầu vào ngày 22/3/2018 khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố đánh thuế 50 tỷ USD đối với hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu vào Mỹ, để ngăn chặn những gì họ cho là hành vi thương mại không công bằng và hành vi trộm cắp tài sản trí tuệ. Sau đó, Mỹ và Trung Quốc đã có nhiều động thái trả đũa lẫn nhau, đánh thuế đối với nhiều mặt hàng, như nông sản, ô tô, hóa chất, máy móc, kim loại và thiết bị y tế. Mỹ và Trung Quốc là hai đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Chiến tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới có tác động đối với các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh giúp tăng xuất khẩu hàng Việt Nam vào Mỹ, một số vấn đề xuất hiện nổi bật là: i) Giảm lượng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc. Do khó xuất khẩu sang Mỹ, nhiều hàng hóa của Trung Quốc phải tăng tiêu thụ trên thị trường nội địa. Xuất khẩu các sản

phẩm điện tử, điện thoại di động, máy tính, thủy sản và nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc trong sáu tháng đầu năm 2019 có xu hướng giảm. Trong số đó, giá trị xuất khẩu của điện thoại di động và thủy sản giảm lần lượt 62,3% và 31,5% (Mike Blake, 2019); ii) Hàng hóa Trung Quốc xuất sang Mỹ gặp khó khăn, khó tiêu thụ, dư thừa và muốn tìm đường sang thị trường Việt Nam, gây sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp của Việt Nam; iii) Gia tăng tình trạng gian lận thương mại và trốn thuế ở Việt Nam. Hàng hóa Trung Quốc muốn qua Việt Nam, để rồi mượn danh nghĩa sản xuất ở Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ. Điển hình là các sản phẩm nông nghiệp, dệt may, thép và nhôm. Vụ phát hiện lô nhôm trị giá 4,3 tỷ USD của Trung Quốc ở Bà Rịa - Vũng Tàu đội lốt hàng Việt Nam để sang Mỹ hồi tháng 11/2019 là một ví dụ điển hình khi mà xuất khẩu phôi nhôm Trung Quốc vào Mỹ bị áp thuế chống bán phá giá tới 374% trong khi mức thuế cho mặt hàng này có xuất xứ từ Việt Nam chỉ vào khoảng 5% (Phạm Dung, 2020).

Mỹ đưa Việt Nam vào danh sách các nước thao túng tiền tệ

Tháng 12/2020, dưới thời của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump, Bộ Tài chính Mỹ lần đầu chính thức xem Việt Nam là quốc gia thao túng tiền tệ, cáo buộc Việt Nam can thiệp không công bằng vào thị trường hối đoái. Bị cáo buộc thao túng tiền tệ như vậy, Việt Nam phải thương lượng với Mỹ và Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF để giải quyết vấn đề. Quyết định ngày 16/12/2020, của Bộ Tài chính Mỹ, xem Việt Nam là một quốc gia thao túng tiền tệ là biện pháp mới nhất của chính quyền Trump nhắm vào các hành vi thương mại của Việt Nam. Ngay từ tháng 10/2020, Mỹ đã mở điều tra để xem Việt Nam có cố tình hạ thấp giá trị của tiền đồng để hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có giá rẻ hơn hay không. Bộ Tài chính Mỹ đã đưa vào danh sách giám sát gồm 11 nền kinh tế (đáp ứng từ một đến hai tiêu chí theo quy định của Bộ Tài chính Mỹ): Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Ireland, Italy, Ấn Độ, Malaysia, Singapore, Thái Lan và Mexico. Thụy Sĩ, Đài Loan (Trung Quốc) và Việt Nam đáp ứng ba tiêu chí. Danh sách các nền kinh tế

trên được xác định trên cơ sở quy định của Đạo luật Thuận lợi hóa và thực thi thương mại năm 2015. Bộ Tài chính Mỹ xem xét các đối tác thương mại đáp ứng các tiêu chí sau: 1) Thặng dư thương mại hàng hóa song phương với Mỹ ít nhất 20 tỷ USD; 2) Thặng dư cán cân vãng lai tương đương ít nhất 2% GDP; 3) Can thiệp một chiều và kéo dài trên thị trường ngoại tệ, thể hiện qua việc mua ròng ngoại tệ trong ít nhất sáu tháng trong giai đoạn 12 tháng với tổng lượng ngoại tệ mua ròng tương đương ít nhất 2% GDP trong giai đoạn 12 tháng.

Ngày 16/4/2022, Bộ Tài chính Mỹ đã ban hành Báo cáo về “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ”. Trong Báo cáo này, trên cơ sở tiếp xúc bước đầu với Việt Nam cũng như dựa trên các số liệu, phân tích sâu hơn, Bộ tài chính Mỹ xác định trong năm 2020, không có đủ bằng chứng, dấu hiệu cho rằng Việt Nam thao túng tiền tệ theo quy định của Đạo luật Cạnh tranh và thương mại quốc tế Omnibus năm 1988. Ngày 16/4/2022, Bộ Tài chính Mỹ đã gửi báo cáo giữa năm về các chính sách tỷ giá hối đoái và kinh tế vĩ mô của các đối tác thương mại lớn của Mỹ lên Quốc hội. Đây là bản báo cáo đầu tiên được thực hiện dưới thời Tổng thống Mỹ Joe Biden. Báo cáo kết luận rằng hiện không có nước nào nằm trong các tiêu chí của Mỹ để bị coi là quốc gia thao túng tiền tệ.

Vấn đề đặt ra từ Đại dịch covid 19.

Từ sau khi gia nhập WTO vào tháng 1/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng có mối liên kết lớn mạnh với các nền kinh tế khác thông qua thương mại và đầu tư. Hai trong số những động lực quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, đó là: Mức độ đầu tư trực tiếp nước ngoài và khả năng xuất khẩu của cả nước. Hơn 50% giá trị hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tập trung vào các thị trường Mỹ (23%), Trung Quốc (16%), Liên minh châu Âu và Vương quốc Anh (14%). Do nền kinh tế Việt Nam có sự liên kết và phụ thuộc vào nhiều nền kinh tế các quốc gia khác, nên những tác động đối với nền kinh tế Việt Nam cũng tương quan với các tác động đối với các nền kinh tế khác sau khi dịch Covid-19 bùng phát trên toàn thế giới.

Dịch Covid-19 ở Việt Nam có hai đợt. *Đợt 1* từ tháng 01/2020, khi Việt Nam có ca mắc đầu tiên tại TP Hồ Chí Minh. Trong năm 2020, Việt Nam đã kiểm soát khá tốt dịch bệnh với tổng số ca tử vong xác nhận cả năm là 35 (Todd Pollack et.al, 2021). Tuy nhiên, sang năm 2021, đặc biệt là *Đợt 2*, từ tháng 7/2021, tình hình dịch bệnh đã trở nên trầm trọng hơn với số ca mắc Covid-19 cùng với số ca tử vong tăng đột biến. Đại dịch Covid-19 đã lan ra toàn bộ 63 tỉnh, thành tại Việt Nam. Covid-19 tác động đã làm cho nước ta phải điều chỉnh dự báo mức tăng trưởng nhiều lần từ: 7,0% xuống 6,7% còn 3,3% (Pwc.com, 2020) tương ứng với ba mốc: Năm 2019; Năm 2020 trước Covid; 2020 sau Covid.

Giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Nhiều doanh nghiệp đã buộc phải lựa chọn phương án sản xuất “ba tại chỗ” hoặc “một cung đường, hai điểm đến” nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, nếu không sẽ phải tạm ngừng hoạt động làm ảnh hưởng đến các đơn hàng đã ký kết trước đó. Trong lưu thông, vận chuyển hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố bị hạn chế tối đa, thậm chí mọi loại hình vận tải phải ngưng hoạt động tại các tỉnh giãn cách xã hội. Sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn do không thể lưu thông được hàng hóa nông sản. Nhiều doanh nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ngừng thu mua nông sản, doanh nghiệp đóng hàng xuất khẩu không hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng khiến nhiều nông sản (lúa, hoa quả các loại) không thể xuất khẩu. Không thể tiêu thụ sản phẩm do ách tắc khâu lưu thông, chi phí vận tải, bảo quản tăng cao nên giá thu mua hàng nông sản giảm mạnh nhưng giá bán tới tay người tiêu dùng ở mức cao do chi phí lưu thông tăng cao. Hầu hết các cơ sở kinh tế trong lĩnh vực lưu thông phải đóng cửa; Chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng để duy trì không rơi vào tình trạng phá sản (Tổng cục Thống kê, 2021). Thực tế trên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta.

3.2. Các biện pháp giải quyết

Đối với những vấn đề liên quan đến chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc.

Thứ nhất, để giảm thiểu rủi ro phát sinh từ chiến tranh thương mại, Việt Nam phải tập trung mở rộng tiếp cận thị trường. Việt Nam đã tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), đáng chú ý vào thời điểm có chiến tranh thương mại là: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Bằng cách này, Việt Nam có cơ hội tăng xuất khẩu sang các thị trường khác. Tuy nhiên, Việt Nam đã bị ảnh hưởng bởi chuỗi cung ứng kém phát triển, phụ thuộc nghiêm trọng vào nhập khẩu nguyên liệu và thiếu các ngành công nghiệp hỗ trợ. Để giảm bớt các tác động xấu bởi cuộc chiến thương mại và tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do (FTA) sắp tới, Việt Nam cần nỗ lực để xóa bỏ những rào cản này.

Thứ hai, các cơ quan chức năng cũng cần sớm áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại có hiệu lực, cần sử dụng các biện pháp giải quyết và kiểm soát chất lượng hàng hóa, nhằm ngăn chặn ngay tại các cửa khẩu, hải quan; Thường xuyên và kiên quyết phòng chống buôn, nhập lậu hàng hóa và các đội quản lý thị trường cần siết chặt việc tổ chức theo dõi, bám sát địa bàn. Bên cạnh đó, cần tiếp cận nhanh với các nhà đầu tư lớn trên thế giới, tranh thủ thời cơ thị trường Trung Quốc bị ảnh hưởng để xúc tiến đầu tư vào Việt Nam.

Thứ ba, tập trung vào bảo vệ môi trường và cải thiện kỹ năng. Việt Nam nên đẩy mạnh chuỗi giá trị để thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, các công ty thân thiện với môi trường, năng lượng sạch, thiết bị y tế tiên tiến và ngành chăm sóc sức khỏe. Việt Nam đang mô phỏng mô hình tăng trưởng kinh tế theo định hướng xuất khẩu của các nước công nghiệp mới nổi như Thái Lan và Hàn Quốc.

Thứ tư, tăng cường vai trò của các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam cần ý thức được những tác động tiêu cực của cuộc chiến tranh thương mại tới thị trường cũng như bản thân doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần đồng hành cùng Nhà nước trong quá trình đối phó với những biến động xấu đến từ cuộc chiến. Trước tiên, doanh nghiệp cần tăng cường chất lượng hàng hóa, đa dạng về hình thức, mẫu mã, với giá cả phù hợp để tăng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong nước và đối

với các doanh nghiệp xuất khẩu. Tiếp đó, cần định hướng nâng cao chiến lược xuất nhập khẩu của mình theo hướng bền vững, trong đó tăng trưởng xuất khẩu cả về chiều rộng và chiều sâu.

Đối với những vấn đề từ đại dịch Covid-19. Việt Nam đã có những giải pháp chính sau đây:

- Tiêm chủng vaccine là biện pháp quan trọng. Đến nay Việt Nam được coi là một trong những nước có tỷ lệ tiêm chủng vaccine thuộc loại cao trên thế giới. Nhiều khu công nghiệp đã được ưu tiên tiêm vaccine ngay từ những ngày đầu bùng phát dịch bệnh.

- Hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp. Các bộ, ngành đã phối hợp xây dựng, ban hành các hướng dẫn bảo đảm sản xuất an toàn thích ứng với dịch Covid-19, tiêu biểu là Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”

- Bộ Công thương đã ban hành Chỉ thị 05/CT-BCT về việc triển khai các giải pháp tăng cường xuất khẩu, nhập khẩu trong bối cảnh dịch Covid-19. Theo đó, đề chủ động nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu, nhằm đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu theo mục tiêu được giao, Bộ Công Thương yêu cầu các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ như: 1) Chủ động làm việc với các hiệp hội ngành hàng, các tập đoàn, các doanh nghiệp FDI để đánh giá hoạt động sản xuất, xuất khẩu; Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn; 2) Nghiên cứu, đánh giá khả năng tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng Việt Nam để bù đắp sụt giảm xuất khẩu do ảnh hưởng dịch Covid-19, đặc biệt lưu ý tận dụng ưu đãi của Hiệp định EVFTA; 3) Xúc tiến nhập khẩu nguyên vật liệu thiết yếu phục vụ các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động như dệt may, điện tử... đặc biệt chú trọng các doanh nghiệp Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm trong nhập khẩu.

Về kết quả, trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều rủi ro, bất ổn, thương mại toàn cầu giảm sút, xuất khẩu của các nước trong khu vực đều giảm thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 của Việt Nam vẫn tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 6,5%; Nhập khẩu hàng hóa tăng

3,6% (cho dù cả 3 mức tăng trên đều thấp hơn so với các mức tăng tương ứng của năm 2019 là: 7,6%, 8,4% và 6,8%). Năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,54 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 19%; Nhập khẩu tăng 26,5%. Như vậy, về tổng thể thương mại của Việt Nam năm 2021 gần như trở lại bình thường.

Kết luận

2010 - 2020 là giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sôi nổi nhất của Việt Nam kể từ sau Đổi mới với những mốc hội nhập quan trọng. Đến nay, Việt Nam đã có FTA với 57 nước đối tác gần như ở tất cả các châu lục. Các FTA của Việt Nam ngày càng mở rộng về phạm vi, lĩnh vực cam kết và hướng tới các liên kết ở mức độ sâu hơn. Điều này đã và đang tạo thuận lợi cho phát triển thương mại quốc tế của nước ta. Trong giai đoạn 2010 - 2020, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng khoảng 3,5 lần lên hơn 545 tỷ USD/2020, vượt mức mục tiêu đặt ra. Hiện nay, Việt Nam có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên một tỷ USD, có tám mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD. Bất chấp nhiều khó khăn do Đại dịch Covid-19, thương mại quốc tế của Việt Nam vẫn tiến về phía trước, xuất siêu vẫn được duy trì.

Thực trạng phát triển thương mại quốc tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020, có thể thấy được bước chuyển mình cũng như sự nỗ lực vượt bậc của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, của các doanh nghiệp Việt Nam trong cố gắng thúc đẩy sự phát triển các hoạt động xuất nhập khẩu của cả nước. Gần đây xuất hiện một vài nhân tố tác động trực tiếp đến thương mại quốc tế Việt Nam như cáo buộc thao túng tiền tệ của Mỹ đối với Việt Nam, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và đặc biệt là đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn luôn có những bước xoay chuyển tốt, với những chính sách linh hoạt để thích nghi và ứng phó với những vấn đề mới xuất hiện, để tiếp tục phát triển thương mại, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Trong thời gian tới, với các cố gắng của các cơ quan chính phủ, kết hợp với tiềm năng cũng như thế mạnh của các doanh nghiệp được hỗ trợ bởi dòng vào FDI, thương mại quốc tế của Việt Nam chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Anh Đào (2022): *Số lượng doanh nghiệp FDI tại Việt Nam tăng nhanh với tốc độ không ngờ*, 15.1.2022, <https://www.vietnambiz.vn/so-luong-doanh-nghiep-fdi-tai-viet-nam-tang-nhanh-voi-toc-do-khong-ngo-20220115152004188.htm>
2. Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc (2021): *Phục hồi kinh tế sau tác động của đại dịch COVID-19: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*, 12/10/2021. <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824164/phuc-hoi-kinh-te-sau-tac-dong-cua-dai-dich-covid-19--kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-cho-viet-nam.aspx>
3. Phạm Dung (2020): *Kho nhóm "khủng" 5 tỉ đô ở Vũng Tàu: Từ nghi đội lốt đến dấu hiệu chuyên gia, trốn thuế*, <https://laodong.vn/kinh-te/kho-nhom-khung-5-ti-do-o-vung-tau-tu-nghi-doi-lot-den-dau-hieu-chuyen-gia-tron-thue-821871.ldo>
4. Trịnh Minh Anh (2021): *FTA và vị thế của một Việt Nam chủ động hội nhập*, 20/06/2021, <http://www.hoinhapkinhte.gov.vn/H%E1%BB%99j-nh%E1%BA%ADp-trong-n%C6%B0%E1%BB%9Bc/ID/2516/FTA-va-vi-the-cua-mot-Viet-Nam-chu-ong-hoi-nhap>
5. Hà Văn Hội (2013): *Tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế của Việt Nam*, Đại học Quốc gia Hà Nội, <https://www.js.vnu.edu.vn/EAB/article/view/413>
6. Nguyễn Mai Linh (2020): *Cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của WTO và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam sau 26 năm phát triển*: <http://103.7.177.7/handle/123456789/214927>
7. Nguyễn Mỹ Linh (2019): *Tác động của thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế - nghiên cứu trường hợp trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO*
8. Mike Blake (2019): *Khảo sát: Sự leo thang của chiến tranh thương mại Trung - Mỹ và cuộc suy thoái nền kinh tế Mỹ*, <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/chien-tranh-thuong-mai-trung-my-va-anh-huong-doi-voi-viet-nam-69628.htm>
9. Nguyễn Anh Thu (2021): *Hội nhập Kinh tế Quốc tế của Việt Nam: Thuận lợi hóa thương mại và đầu tư*, Đề tài NCKH cấp ĐH Quốc gia.
10. Bình Phước (2021): *Thực trạng tham gia FTA của Việt Nam*, binhphuoc.gov.vn ngày 20/08/2021, <https://www.binhphuoc.gov.vn/vi/sttt/thong-tin-doi-ngoai/thuc-trang-tham-gia-fta-cua-viet-nam-556.html> ngày 16/6/2022
11. PwC.com (2020): *Đánh giá tác động của đại dịch COVID-19: Phân tích các tác động tiềm ẩn của COVID-19 đối với kinh tế Việt Nam*, <https://www.pwc.com/vn/vn/publications/vietnam-publications/economy-covid19.html>.
12. Tổng cục Thống kê (2021): *Tác động của Đại dịch đến tăng trưởng các khu vực kinh tế quý III.2021*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/10/tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tang-truong-cac-khu-vuc-kinh-te-quy-iii-nam-2021/>
13. Tổng cục Thống kê (2022), *Vượt qua khó khăn, xuất, nhập khẩu năm 2021 về dịch ngoại mưc*, Tổng cục thống kê, 17/1/2022, truy cập <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/01/vuot-qua-kho-khan-xuat-nhap-khau-nam-2021-ve-dich-ngoan-muc> ngày 16/6/2022
14. Trung tâm WTO và hội nhập, VCCI (2016): *Tóm lược Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA)*, http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/tpp/attachments/twtw_tom_luoc_evfta.pdf, truy cập ngày 28/08/2018.
15. Trung tâm WTO và hội nhập, VCCI (2018): *Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) trong CPTPP: Cần có chọn lọc*, xem tại <http://www.trungtamwto.vn/tpp/thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-fdi-trong-cptpp-can-co-chon-loc>, 06/04/2018.
16. Tổng cục hải quan (2005, 2006, 2008, 2010, 2012, 2013, 2015, 2016, 2018, 2020): *Thông tin hàng hóa xuất nhập khẩu*, truy cập lần cuối ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại: <https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=14693&Category=S%E1%BB%B1%20ki%E1%BB%87n#thang12>
17. Tạp chí Cộng sản (2011): *Xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ năm 2010*, Tạp chí Cộng sản ngày 10/01/2011, truy cập <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/5698/xuat%2C-nhap-khau-hang-hoa-va-dich-vu-nam-2010.aspx>
18. Todd Pollack et.al (2021): *Emerging COVID-19 success story: Vietnam's commitment to containment*, Our World in Data, March 05, 2021, accessed <https://ourworldindata.org/covid-exemplar-vietnam>

Thông tin tác giả:

PGS.TS. PHẠM THÁI QUỐC Viện Kinh tế và Chính trị thế giới
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Email: pthquoc@yahoo.co.uk